



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 28/07/2026 (Tuesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
0.5	18:49	22:30	↗
3.1	02:31	05:45	↘
2.5	07:17	11:00	↗
3.1	11:44	14:45	↘
0.4	19:27	23:15	↗
3.2	02:57	06:15	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Quân	SITC SHENGDE	9.3	172	18,820	P/s3 - BNPH	00:30	//	AB02-01
2	N.Thanh	DING XIANG TAI PING	9.4	185	23,779	P/s3 - CL4-5	02:00	Cano DL	A1-A6
3	P.Thùy	KYOTO TOWER	9.4	172	17,229	P/s3 - CL4	00:00	//	A3-A5
4	N.Trường	SUNLY	3	76	1,482	P/s1 - TL CL7	01:00	//	01
5	H.Trường	CNC CHEETAH	10.5	186	31,999	P/s3 - CL3	02:00	//	A1-A6
6	Duyệt	ZHONG GU XIONG AN	9.2	180	28,554	P/s3 - CL5	06:00	//0700	A1-A6
7	Uy	TS GUANGZHOU	10	172	18,725	P/s3 - CL7	04:00	//	A3-A5
8	N.Dũng	PANCON BRIDGE	9	172	18,040	P/s3 - CL1	05:00	//	AB02-01
9	Hoàn - Đ.Hải	XIN HAI XIU	7.1	132	6,680	H25 - TCHP	06:30	//	08-12
10	T.Cần	TPC-TK06+TPC-SL16	6	190	6,257	H25 - CanGio	07:00	//	
11	Nghị - Anh	TPC206-TK01;TPC206-SL01	6	190	6,257	H25 - CanGio	07:00	//	
12	V.Dũng - Lương	INSIGHT	9.8	172	17,888	P/s3 - BNPH	11:00	//1300	A3-A5
13	P.Cần - Th.Tùng	WAN HAI 377	10.1	204	30,676	P/s3 - BP7	11:30	Thả neo, tăng cường dây	A1-A5
14	Kiên	PANCON CHAMPION	8.5	173	18,606	P/s3 - CL1	19:30	//2300	A5-01
15	M.Tùng	SITC JUNDE	8.5	172	18,819	P/s3 - CL7	18:30	//2300	A1-A6
16	M.Cường	HAIAN IRIS	6.7	147	9,963	H25 - TCHP	01:30	//	08-12
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	P.Hung - Đức	WAN HAI A01	10.2	335	123,104	P/s3 - CM3	04:30	Y/c MP	A10-KS-AWA
2	Thịnh - M.Cường	VNL VISION + PTSC TRANSPORTER	5	175	5,002	TCCT - P/s3	06:00	2HT	HẢI ĐĂNG 86
3	N.Cường	MORESBY CHIEF	9.5	186	26,971	P/s3 - CM2	11:00	Y/c MP	KS-AWA

4	P.Hung - Đức	SHANGHAI	11	351	109,149	CM4 - P/s3	19:00	MT-VTX	A9-A10-H2
5	Thịnh - N.Cường	WAN HAI A01	12.5	335	123,104	CM3 - P/s3	20:00	MP	MR-KS-AWA
6	Hà - N.Minh	BEAR MOUNTAIN BRIDGE	12	267	44,234	P/s3 - CM4	20:00	Y/c MT	A9-A10
7	Đ.Toản	MORESBY CHIEF	11.5	186	26,971	CM2 - P/s3	21:00		KS-AWA
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Hà	INFINITY	9.2	172	17,119	BNPH - P/s3	00:00		A3-A5
2	N.Minh - Duy	WAN HAI 371	10.5	204	30,676	CL4-5 - P/s3	07:00		A1-A6
3	Đ.Toản	G.DRAGON	9	172	18,680	CL3 - P/s3	05:00		A3-A5
4	T.Tùng	STARSHIP URSA	9.7	173	20,920	CL7 - P/s3	04:30		A1-A6
5	Quyết	QINGDAO VOYAGER	9.3	186	29,764	CL5 - P/s3	09:00		A5-A6
6	Vinh	ANBIEN BAY	9.1	172	17,515	CL1 - P/s3	08:30		A1-SG99
7	M.Hùng	MK 68	3	99	2,424	CanGio - H25	11:00		
8	Quang	SITC SHENGDE	8.5	172	18,820	BNPH - P/s3	14:00		A3-01
9	M.Hải	TPC-TK08; TPC-SL-18	2.9	190	6,257	CanGio - H25	12:00	SR	
10	K.Toàn	KYOTO TOWER	8.5	172	17,229	CL4 - H25	14:00	SR	A3-A5
11	N.Dũng	PANCON BRIDGE	9.2	172	18,040	CL1 - P/s3	23:00		A5-01
12	Chính	XIN HAI XIU	6.5	132	6,680	TCHP - H25	00:30		08-12
13	Đ.Long	HANSA OSTERBURG	9.1	176	18,275	CL4 - P/s3	00:00		A1-A6
14	Giang	HAI BAO	3	59	299	CL2 - P/s2	00:00		01
15	Đ.Long - Giang	TPC206-TK02;TPC206-SL02	2.9	190	6,257	CanGio - H25	21:30	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	V.Tùng	TS GUANGZHOU	9.5	172	18,725	CL7 - CL4	22:30	ĐX	